

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 211/2023/DS-PT

Ngày: 21-6-2023

V/v *Tranh chấp hợp đồng*

vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Sang.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Tuấn;

Bà Dương Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2023/TLPT-DS, ngày 12-5-2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 176/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Mộng T, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Phạm Thị Mộng T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 9 năm 2022 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Ngày 22/6/2022 bà Phạm Thị Mộng T có vay của anh số tiền 250.000.000 đồng, việc cho vay có làm giấy, có hạn đến ngày 22-7-2022 sẽ trả, việc cho vay có tính lãi suất nhưng trong giấy không ghi lãi suất, không có thế chấp tài sản. Sau khi vay bà T chưa trả được số tiền nào. Nay yêu cầu bà T trả số tiền 250.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị Mộng T trình bày: Qua lời trình bày của anh H, bà nghe rõ nhưng không đúng và bà trình bày lại như sau: Do quen biết nên bà có vay tiền của chị T1 nhiều lần. Đến ngày 05/3/2021 giữa bà và chị T1 (vợ anh H) tổng cộng nợ vay thì bà còn thiếu 860.000.000 đồng, cùng ngày chị T1 còn làm giấy xác nhận đến ngày 05/3/2022 bà còn thiếu 02 khoản tiền là 550.000.000 đồng và 310.000.000 đồng. Đến ngày 20/6/2022 chị T1 tính lãi và gốc tổng cộng là 1.189.825.000 đồng, ngày 22/6/2022 bà đem tiền đến trả thì chị T1 ghi tờ giấy thứ 2 cộng tiền gốc và lãi là 1.400.350.000 đồng thì bà trả được 1.200.000.000 đồng (tiền gốc và lãi), số tiền còn thiếu lại là 200.350.000 đồng, chị T1 yêu cầu bà trả tiền môi giới vay tiền gì đó bà không rõ nên thành 250.000.000 đồng, nên bà viết giấy nợ mới vay anh Nguyễn Văn H 250.000.000 đồng chị T1 mới đồng ý trả lại cho bà giấy biên nhận ngày 05/3/2022 nhưng trên thực tế bà không hề vay số tiền trên của anh H. Sau khi bà ký giấy vay thì chị T1 đã trả lại cho bà giấy biên nhận ngày 05/3/2022.

Theo giấy mượn tiền lập ngày 22/6/2022 thì bà không có vay mà đây là tiền lãi, nguyên nhân nào còn thiếu 200.350.000 đồng mà giấy vay ghi 250.000.000 đồng thì bà không biết. Chữ ký trong giấy mượn tiền là do bà ký, giấy này bà không có giữ. Chồng bà tên Phạm Văn Lý đã ly hôn cách đây trên 20 năm, đã được Tòa án nhân dân huyện Tân Châu giải quyết. Số tiền này do một mình bà vay không liên quan gì đến ông Lý.

Nay anh H dùng giấy vay này khởi kiện yêu cầu trả 250.000.000 đồng, bà không đồng ý trả.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2023/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H, tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Phạm Thị Mộng T.

- Buộc bà Phạm Thị Mộng T có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn H số tiền vay 170.000.000 (một trăm bảy mươi triệu) đồng.

Ghi nhận anh Nguyễn Văn H không yêu cầu tính lãi suất.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12-4-2023, bị đơn bà Phạm Thị Mộng T kháng cáo bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu đưa chị Nguyễn Thị Tuyền tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để đổi chất, làm rõ sự việc. Bà T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H buộc bà phải trả nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa;

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12-4-2023 bà T kháng cáo. Qua xem xét, Đơn kháng cáo của bà T trong thời hạn luật định và hợp pháp theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bà T kháng cáo yêu cầu Tòa án đưa chị Nguyễn Thị Tuyền tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để đổi chất, làm rõ sự việc. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 29-3-2023 chị T1 có tham gia và trình bày rõ việc vay mượn số tiền 250.000.000 đồng giữa anh H (chồng chị T1) với bà T không liên quan đến chị và chị xác định đây là tiền riêng của anh H nên không có yêu cầu gì. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy chị T1 không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, nên yêu cầu của bà T đưa chị T1 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có cơ sở.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Mộng T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Theo đơn khởi kiện và chứng cứ cung cấp, nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: vào ngày 22 tháng 6 năm 2022, bà Phạm Thị Mộng T có mượn của anh Nguyễn Văn H số tiền 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng. Giữa hai bên có làm “Giấy mượn tiền” bà T có ký tên và lấn tay. Thời hạn đến ngày 22-7-2022 sẽ hoàn trả số tiền nói trên, nhưng đến nay bà T không trả nên anh H yêu cầu bà T trả cho anh số tiền trên.

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà T xác nhận chữ ký, chữ viết “Phạm Thị Mộng T” và dấu vân tay trong tờ “Giấy mượn tiền” đúng là của bà; nhưng bà T cho rằng bà không vay mượn tiền của anh H, mà chỉ vay tiền của chị T1 (vợ anh H) và đây là số tiền nợ giữa bà và chị T1 sau khi thanh toán, chốt sổ bà còn nợ chị T1 200.350.000 đồng, nhưng chị T1 cộng thêm tiền lãi nên thành số tiền 250.000.000 đồng rồi yêu cầu bà ký giấy mượn của anh H số tiền 250.000.000 đồng. Bà xác định đây là số nợ tiền lãi của bà nợ chị T1 nên bà không đồng ý trả cho anh H.

[3.3] Tuy nhiên, ngoài lời trình bày, bà T không cung cấp được chứng cứ chứng minh đây là số nợ giữa bà và chị T1 đã chốt sổ còn lại. Chị T1 không thừa nhận số tiền 250.000.000 đồng bà T nợ chị. Bà T cung cấp cho Tòa án các bản photo giấy tính tiền, nhưng không thể hiện tên của ai và cũng không có ai ký tên xác nhận. Trong khi đó, bà T thừa nhận Giấy mượn tiền do anh H cung cấp là chữ ký, chữ viết, dấu vân tay của bà. Việc này không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Dân sự.

[3.4] Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Nguyễn Văn H thấy hoàn cảnh bà T khó khăn nên đã đồng ý gia giảm, chỉ yêu cầu bà T thanh toán số tiền 170.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Đây là ý chí tự nguyện của anh H, nên Hội đồng xét xử sơ thẩm ghi nhận và buộc bà T có nghĩa vụ trả cho anh H số tiền 170.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ cho yêu cầu của bà, nên không có cơ sở chấp nhận.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Mộng T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Mộng T.
- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2023/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.
- Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của anh Nguyễn Văn H đối với bà Phạm Thị Mộng T.

- Buộc bà Phạm Thị Mộng T có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn H số tiền 170.000.000 (một trăm bảy mươi triệu) đồng. Ghi nhận anh Nguyễn Văn H không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày anh H có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà T chưa thi hành xong số tiền như đã nêu trên thì hàng tháng bà T còn phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Bà Phạm Thị Mộng T phải chịu 8.500.000 (tám triệu năm trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2 Anh Nguyễn Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho anh Nguyễn Văn H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000 (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0007666 ngày 03/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị Mộng T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008069, ngày 12-4-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND.TTN;
- TAND huyện Tân Châu;
- CCTHADS huyện Tân Châu;
- Phòng KTNV. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP TAND tỉnh;
- Lưu tập án DSPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Kim Sang